

Số: 213/2021/QĐST- KDTM

Đông Anh, ngày 06 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 206/2021/TLST- KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Trụ sở chính: Số xx phố LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686xxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17/02/2021.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân L - Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh ĐA, là đại diện ủy quyền theo Quyết định số 2965/QĐ-NHX-PC

ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng X về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án.

Người được ủy quyền lại tham gia quá trình tố tụng:

1. Ông Trần Văn M - Phó giám đốc Ngân hàng X – Chi nhánh ĐA (Theo Quyết định ủy quyền lại về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 55/QĐ-NHX.ĐA-TH ngày 19/02/2021 của Giám đốc X Chi nhánh ĐA).

2. Ông Lê Quang T – Giám đốc Phòng giao dịch LH thuộc Ngân hàng X – Chi nhánh ĐA (Theo Giấy ủy quyền số 466/UQ-HNX.ĐA ngày 04/5/2021 của Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh ĐA).

Bị đơn: Ông Ngô Vĩnh S, sinh năm 1973.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1976.

2. Anh Ngô Vĩnh M, sinh năm 1997.

3. Anh Ngô Vĩnh Q, sinh năm 2006.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của anh Ngô Vĩnh Q là bố mẹ đẻ của anh: Ông Ngô Vĩnh S, sinh năm 1973; Bà Lê Thị T, sinh năm 1976; Cùng có hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Vĩnh M: Ông Ngô Vĩnh S, sinh năm 1973; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Có lời khai ủy quyền).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 02/03/2018, Ngân hàng X - Chi nhánh ĐA - Phòng giao dịch LH (gọi tắt là “X Chi nhánh ĐA - PGD LH”) và ông Ngô Vĩnh S (đại diện theo giấy ủy quyền ngày 02/03/2018) ký Hợp đồng tín dụng số **3140-LAV-201801028** với một số nội dung chính như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng: 1.400.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng.

- Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu kinh doanh gỗ.

- Phương thức áp dụng lãi suất: có điều chỉnh.
- Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ: theo từng giấy nhận nợ
- Mức lãi suất cho vay: tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, X Chi nhánh ĐA - PGD LH và ông Ngô Vĩnh S ký Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTD với một số nội dung chính như sau:

- Sửa đổi: Phương pháp trả lãi tiền vay;
- Điều chỉnh thời hạn cho vay, phương thức và kỳ hạn trả nợ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 45, diện tích 210,0 m² tại địa chỉ: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV491694 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 25/07/2014 mang tên ông Ngô Vĩnh S theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 5xx/2018/HĐTC, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/3/2018 do Văn phòng công chứng Trung tâm chứng thực, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Thực hiện theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số **3140-LAV-201801028** X Chi nhánh ĐA - PGD LH đã nhiều lần giải ngân cho ông Ngô Vĩnh S đủ số tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và khoản vay này đã chuyển nợ xấu và áp dụng lãi suất quá hạn.

Các đương sự thống nhất xác định tính đến hết ngày 26/11/2021, tổng số tiền ông S còn nợ Ngân hàng X là: **1.874.969.632** đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 1.397.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 139.050.685 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 314.423.034 đồng.
- Lãi chậm trả lãi: 24.495.912 đồng.

Ông Ngô Vĩnh S phải hoàn trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ của ông với Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.01028 ngày 02/3/2018; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/02/2019, tính đến hết ngày **26/11/2021 là: 1.874.969.632** đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng) và tiếp tục chịu lãi theo lãi suất quá hạn, lãi chậm trả lãi mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-

2018.01028 ngày 02/3/2018; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 20/02/2019 trên số nợ gốc còn lại kể từ ngày 27/11/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng X.

Các bên thống nhất lộ trình trả nợ như sau:

- Từ tháng 12 năm 2021 đến 26 tháng 5 năm 2022, chậm nhất vào ngày 26 hàng tháng, ông S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X số tiền: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc.
- Ngày 31/5/2022, ông S có trách nhiệm tất toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn lại tại Ngân hàng X theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-2018.01028 ngày 02/3/2018; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 20/02/2019.

Nếu ông S vi phạm lộ trình trả nợ nêu trên tại bất kỳ thời điểm nào thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 45, diện tích 210,0 m² tại địa chỉ: Khu x, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV491694 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 25/07/2014 mang tên ông Ngô Vĩnh S theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 5xx/2018/HĐTC, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/3/2018 do Văn phòng công chứng Trung tâm chứng thực. Việc xử lý tài sản để thu hồi nợ thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 68.249.088 đồng (Sáu mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm tám mươi tám đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu $1/2 = 34.124.544$ đồng (Ba mươi tư triệu, một trăm hai mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi tư đồng) tiền án phí. Các đương sự thống nhất để ông Ngô Vĩnh S chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để ông Ngô Vĩnh S chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Ngô Vĩnh S phải nộp 34.124.544 đồng (Ba mươi tư triệu, một trăm hai mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi tư đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng X lại số tiền 32.708.000 đồng (Ba mươi hai triệu, bảy trăm linh tám nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045xxx ngày 20/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh